

CẦN CÓ TIỀN ĐÚC TRONG LƯU THÔNG

PHẠM VĂN NĂNG

Trong xã hội nguyên thủy, khi sản xuất còn thấp kém mang tính tự cung, tự cấp; việc trao đổi được tiến hành một cách ngẫu nhiên, đối vật này lấy vật khác còn gọi là thời kỳ hóa vật, thí dụ gạo đổi lấy muối, vải đổi lấy bò. Việc đổi chác như vậy chỉ thích hợp khi loài người sống riêng biệt trong khu vực nhỏ để tiếp xúc, quen biết nhau. Nhưng khi sản xuất, phân công lao động càng phát triển, việc trao đổi ngày càng nhiều và mở rộng giữa các địa phương thì đòi hỏi các bên trao đổi phải thống nhất vật ngang giá chung đó, tức phải đồng nhất một thứ hóa vật để làm tiền.

Vàng, bạc là 2 kim loại quý, có những thuộc tính đặc biệt thích hợp với vai trò vật ngang giá chung, nên dần dần các hóa vật khác để trở thành tiền dùng cho mọi quốc gia.

Trong rất nhiều loại hàng hóa được dùng làm tiền trong các xã hội cổ xưa thì tiền đúc là loại đặc biệt vì nó còn tiếp tục được dùng cho đến ngày nay.

Tiền đúc bằng vàng, bạc xuất hiện từ bao giờ, không ai biết chính xác, nhưng trong Cựu Ước có nói tới việc Thánh Abraham dùng 400 đồng bạc để trả nợ.

Tại Tiểu Á và Hy Lạp có lẽ những đồng tiền đúc đầu tiên được đúc vào thế kỷ thứ VII trước CN. Ở Ấn Độ những mảnh bạc nhỏ hình vuông khá mong đã được dùng làm tiền cùng thời gian này.

Trong lịch sử La Mã, thời đại hoàng đế César đã lưu hành những đồng tiền đúc bằng bạc có khắc hình ông ta. Khi Jesus Christ khuyên bảo các con chiên của mình cũng có nghĩa vụ nộp thuế như những người dân khác, nên có câu: "Cái gì của César hãy trả lại César".

Truyền thống tiền cổ của Hy Lạp được truyền bá khắp nơi. Theo bước chân chinh phục của Đại đế Alexandre

đi đến đâu chiếm đoạt các kho tàng kim loại của các vua chúa và đúc thành tiền. Tiền đúc Hy Lạp được lưu hành rộng khắp vùng Địa Trung Hải.

Đến thế kỷ thứ III trước CN, dưới ảnh hưởng của Hy Lạp qua các thời kỳ nối tiếp nhau, từ việc Alexandre đưa quân đến và sự tiếp xúc với đế chế Roma đến việc chinh phục thuộc địa của đạo Hồi và châu Âu.

Quá trình tương tự cũng diễn ra ở Ấn Độ, nơi chịu ảnh hưởng gián tiếp và trực tiếp của Hy Lạp qua các thời kỳ nối tiếp nhau, từ việc Alexandre đưa quân đến và sự tiếp xúc với đế chế Roma đến việc chinh phục thuộc địa của đạo Hồi và châu Âu.

Trong lịch sử tiền tệ, tiền đúc cũng không phải là một công cụ tiền tệ ưu việt hơn các phương tiện thanh toán khác đã được chấp nhận, mà nó tồn tại lâu dài song song với những phương tiện đó. Những mảnh kim loại hình dạng, nét khắc, chạm trổ khác nhau khiến chúng cũng được dùng vào nhiều mục đích khác nhau: buôn bán, quà tặng, cống vật, cúng tế...

Vì vậy những đồng tiền đúc Hy Lạp đầu tiên không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu thương mại (lúc bấy giờ trao đổi hàng hóa bằng đường biển, khoảng cách lớn và chính hàng hóa là phương tiện thanh toán) mà còn mang tính chất chính trị và tôn giáo nữa. Tiền đúc dập hình các vị thần linh, vua chúa là nhằm duy trì hai tính chất trên. Các chức năng cúng tế và nghi lễ của đồng tiền cho đến ngày nay cũng không mất đi vì chúng được chôn dưới nền móng các toà nhà, được ném xuống các giếng nước như những lễ vật cầu phúc: được đem tặng nhau làm biểu tượng cho sự gắn bó; được bỏ vào trong miệng, trong tay người quá cố để làm phương tiện thanh toán khi sang thế giới bên kia.

Ở châu Âu, đến thế kỷ thứ IX đã có 400 loại tiền vàng và 1.000 loại tiền khác nhau. Đến cuối thế kỷ XIX, hầu hết các nước đều dùng tiền đúc bằng

vàng hoặc bạc làm tiền chính và các kim loại rẻ tiền khác như kền, đồng, kẽm làm tiền phụ.

Tiền đúc bằng vàng, bạc ra đời phục vụ tích cực cho nền sản xuất hàng hóa phát triển, là mầm mống cho ngành ngân hàng ra đời và ngày càng phát triển.

Tuy nhiên, khi việc trao đổi hàng hóa với khối lượng to lớn và ngày càng mở rộng, việc mang khối lượng tiền đúc lớn từ nơi này sang nơi khác lại trở nên bất tiện và giấy bạc ngân hàng ra đời thay thế tiền kim loại rút khỏi lưu thông (giấy bạc làm đại biểu cho tiền đúc). Mặt khác, thế chiến thứ 2 đã kéo theo sự đổ vỡ vị vàng ở các nước, tiền đúc (vàng, bạc) rút dần khỏi lưu thông, trong lưu thông chỉ còn tiền đúc bằng các kim loại rẻ tiền (kền, đồng, kẽm...) dùng làm tiền lẻ, tiền phụ.

Ở nước ta thế kỷ VI sau CN, năm 541, Lý Nam Đế sau khi đánh đuổi được quân Tàu mới cho đúc những đồng tiền bằng đồng, mang niên hiệu Thiên Đức, nhưng sau đó Lý Nam Đế bị lật đổ, người Tàu tái độ hộ nước ta nên tiền Thiên Đức bị cấm lưu hành trong 4 thế kỷ.

Khi gong cùm đô hộ bị bẻ gãy, đến năm 968 VN mới phát hành đồng tiền độc lập lần thứ 2 và đồng là kim loại được dùng để đúc tiền từ đó cho đến thế kỷ XX, trừ vài thời kỳ đồng được dùng làm vũ khí chống ngoại xâm nên phải dùng các kim loại xấu hơn như kền, kẽm, thiếc... để đúc tiền.

Mỗi vị vua thái tổ của triều đại đều cho đúc một thứ tiền kim loại mới và cấm lưu hành các loại tiền cũ. Lê Lợi sau khi thắng quân Minh đã cho thu hồi các loại tiền đúc thời Lý và Trần để thay thế bằng tiền "Thuận Thiên thông bảo".

Dưới thời vua Lê Thánh Tôn, tiền đúc được phát hành nhiều nhất, hàng chục triệu đồng tiền "Hong Đức thông bảo" lưu hành rộng khắp lãnh thổ Đại Việt cho tới cuối đời nhà Lê (cuối thế kỷ XVIII) thì tiền "Hong Đức" hết lưu

hành.

Thời Trịnh Nguyễn phân tranh thì ngoài Bắc chúa Trịnh cho phát hành loại tiền lấy danh hiệu "Cảnh Hưng". Khi Nguyễn Huệ lên ngôi, tiền Hồng Đức và Cảnh Hưng bị thay thế bằng tiền "Thái Đức", "Quang Trung" và "Cảnh Thịnh". Còn trong Nam, chúa Nguyễn cho đúc đồng tiền "Thái Bình".

Vào đầu thế kỷ XIX, vua Gia Long cho lưu hành tiền vàng và tiền bạc, loại 1 lượng, 100, 50, 40, 30 lượng, loại 10 lượng hay nén, loại 5 lượng hay thoi, loại 1/2, 4/10, 3/10, 1/4, 2/10, 1/10 lượng. Ngoài ra còn có tiền đúc bằng đồng và kẽm dùng để thanh toán những khoản giá trị nhỏ, đó là tiền đồng lưu hành ở Trung kỳ, tiền kẽm ở Bắc Thành và Gia Định Thành, 1 đồng tiền đồng ăn 6 đồng tiền kẽm. Trong thực tế tiền đồng và tiền kẽm mới thực lưu thông (lấy đồng làm bản vị) còn vàng bạc chỉ dùng làm phương tiện tích lũy của cải của giai cấp phong kiến, vua chúa mà thôi.

Thời kỳ Pháp đô hộ nước ta, có các loại tiền đúc sau được lưu hành: đồng bạc Mê Tây Cơ có hàm kim lượng 0,9027 nặng 27 gam; đồng "trade dollar" Mỹ nặng 27,215 gam với 24,4935 gam bạc nguyên chất; "đồng bạc thương mại" Pháp nặng 27,215 gam có chuẩn độ 900/1000 và các loại tiền lẻ 50, 20, 10, 2, 1 xu được đúc bằng đồng đen.

Từ năm 1903 trở đi, chế độ tiền tệ ở nước ta không còn dùng bản vị bạc (ngân bản vị) mà giấy bạc ngân hàng thay thế dần tiền đúc trong lưu thông trừ các loại tiền lẻ hào, xu bằng kim loại vẫn còn tồn tại.

Ngày nay, ngành ngân hàng ngày càng phát triển mạnh mẽ rộng khắp, cùng với sự bùng nổ tin học, thông tin, liên lạc, việc thanh toán tiền mặt trong xã hội cũng nhường chỗ cho thanh toán qua ngân hàng, thanh toán không dùng tiền mặt, chi phiếu, thẻ tín dụng, thẻ thanh toán, thẻ điện tử... tuy nhiên tiền đúc bằng đồng, kẽm, bạc, kẽm dùng làm tiền lẻ, tiền phụ vẫn còn tồn tại và cần thiết trong đời sống kinh tế-xã hội.

Ngày cá ở những nước công nghiệp phát triển dù các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đã mở rộng vượt bậc nhưng trong cơ cấu tiền vẫn còn tiền có giá trị thấp đúc bằng kim loại để dùng trong các dịch vụ, mua bán tự động hóa.

Ở Pháp có các loại tiền đúc: 10, 5, 2, 1, 1/2 franc, loại 20, 10, 5... centime. Ở Mỹ có các loại 50, 25, 20, 10, 5... cent đúc bằng kim loại và ở nhiều nước khác đều lưu hành các loại tiền lẻ dưới dạng tiền đúc.

Đối với nước ta, do lạm phát kéo dài nhiều năm, có thời kỳ (1985-1989) siêu lạm phát nên giá cả tăng nhanh

làm cho các loại tiền lẻ (loại 50 đồng trở xuống) không còn giá trị. Tuy nhiên từ 1990 đến nay tình trạng lạm phát đã được kiềm chế và đẩy lùi, giá tăng giá cả có thể chấp nhận được, sức mua đồng tiền tạm ổn định. Do đó Chính phủ có thể cho phát hành dưới dạng tiền đúc các loại tiền có mệnh giá 2.000, 1.000, 500, 200, 100 làm tiền lẻ, tiền phụ phục vụ cho sinh hoạt kinh tế, xã hội.

Việc lưu hành tiền lẻ bằng kim loại có những ý nghĩa, tác dụng sau:

+ Tiết kiệm được chi phí in tiền, vì việc in tiền giấy tốn kém, mặc dù giá thành in một tờ giấy bạc thì không lớn, không đáng kể so với sức mua của nó.



nhưng phải thường xuyên đổi tiền mới vì thời gian lưu hành không đầy 2 năm (tiền lẻ chuyển tay nhiều) là cũ rách.

Ở Mỹ các chuyên gia tính toán được rằng nếu thay thế được tất cả các đồng tiền giấy 1 USD bằng tiền đúc thì mỗi năm nước Mỹ tiết kiệm được 862 triệu USD cho việc in tiền giấy.

Còn chi phí đúc tiền kim loại tùy theo hợp kim sử dụng nhưng điều chắc chắn là đắt hơn in tiền giấy, đôi khi giá trị kim loại xấp xỉ với sức mua của đồng tiền nhưng bù lại thời gian lưu hành có thể đến 20, 30 năm. Vì vậy nếu tiền đúc thay thế được cho 1 USD giấy thì 30 năm qua nước Mỹ tiết kiệm được 25,86 tỷ USD cho ngân sách.

Ở nước ta, từ lần đổi tiền tháng 5.1978 đến nay Nhà nước không phát hành tiền đúc; trong khi nhu cầu tiền lẻ lại rất lớn, nhất là ở các đô thị, thiếu tiền lẻ sẽ ảnh hưởng đến giá cả, sản xuất và lưu thông hàng hóa (kinh nghiệm cơn sốt tiền lẻ năm 1985, 1986). Theo các viên chức có thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước thì hiện nay cần phải có hàng trăm tỷ tiền lẻ trong cơ cấu tiền lưu thông, nếu chính phủ cho phép phát hành tiền lẻ,

loại tiền có giá trị thấp dưới dạng tiền đúc thì hiệu quả kinh tế rất lớn.

+ Việc tiêu tiền kim loại đảm bảo vệ sinh hơn tiền giấy. Tiền lẻ có giá trị thấp để phục vụ các dịch vụ đa dạng ở các thành phố như trả tiền giữ xe, đi xe buýt, métro, mua tem thư... do đó lưu chuyển liên tục từ tay người này sang tay người khác, qua mọi tầng lớp của xã hội nên rất mất vệ sinh nếu là tiền giấy (lem luốc, dơ bẩn).

+ Tiền lẻ đúc bằng kim loại khó làm giả hơn tiền giấy và do khối lượng kim loại làm chất liệu tiêu tốn cũng xấp xỉ với giá trị đồng tiền nên không có lợi cho bọn làm bạc giả. Hầu như ở các nước cũng chưa xảy ra trường hợp làm giả tiền đúc nào đáng kể.

+ Dùng tiền kim loại rất thuận lợi trong việc trả tiền ở các máy bán hàng tự động. Vì máy có thể từ chối các tờ giấy bạc bị nhàu nát, lem luốc, bị ướt dính nhưng máy luôn luôn chấp nhận các đồng tiền đúc vì dễ kiểm tra hơn. Các dịch vụ khác được phục vụ bằng máy tự động như điện thoại, tem thư, thu lệ phí cầu đường... thì việc sử dụng tiền đúc cũng tiện lợi hơn.

+ Khi thanh toán tiền đúc, mỗi loại đều có độ dày và kích thước chuẩn chỉ cần chồng lên từng cọc theo chiều cao đã định là xác định được giá trị của chúng không cần phải đếm, tiết kiệm được nhiều thời gian.

Việc sử dụng tiền đúc cũng có những nhược điểm nhỏ mà chúng ta cần lưu ý để khắc phục khi phát hành là:

- Tiền đúc chiếm chỗ nhiều hơn tiền giấy trong ví của chúng ta. Do đó khi đúc tiền ta cần lựa chọn kích thước nhỏ, gọn gàng, tiện lợi cho người sử dụng.

- Mang tiền đúc sẽ nặng nề hơn, cho nên cần sử dụng những hợp kim nhẹ để người sử dụng mang được nhiều sức mua.

- Do dễ nhầm lẫn giữa các loại tiền đúc nên cần có màu sắc, góc cạnh, hình dạng khác nhau cho dễ phân biệt ngay cả trong bóng tối.

- Nên chọn hợp kim rẻ tiền, tránh trường hợp giá trị kim loại chứa đựng trong tiền đúc lại lớn hơn sức mua của nó làm cho nó bị rút khỏi lưu thông theo tác dụng của quy luật Gresham "Tiền kém giá đuổi tiền cao giá ra khỏi lưu thông" (trường hợp của các đồng đúc của ta phát hành tháng 9.1975).

Qua những điều phân tích trên quả là "hại bất cập lợi" của tiền đúc, thiết nghĩ các chuyên gia tiền tệ, Hội đồng quản trị Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước cần nghiên cứu đề nghị chính phủ cho phát hành các loại tiền có giá trị thấp đúc bằng kim loại đưa vào lưu thông phục vụ nhu cầu trao đổi, lưu thông hàng hóa ngày càng phát triển theo hướng văn minh, hiện đại ♣